

1. Ở làng



ôi là một đứa trẻ người ta nhặt được.

Tuy vậy, cho đến năm lên tám, tôi vẫn tưởng tôi có mẹ cũng như mọi đứa trẻ khác, vì mỗi khi tôi khóc thì luôn luôn có một người đàn bà dịu dàng ôm tôi vào lòng, âu yếm ru tôi, khiến cho nước mắt tôi ngừng chảy.

Mỗi khi tôi lên giường ngủ, cũng có một người đàn bà đến hôn tôi. Và khi gió rét thảng chập trát những bông tuyết vào cửa kính trắng xoá, bà ấy vừa áp ủ chân tôi trong đôi bàn tay triu mến của bà, vừa hát cho tôi nghe một bài hát mà giờ đây tôi vẫn còn nhớ điệu và lồm bồm vài lời ca.

Khi tôi chăn con bò sữa ở ven đường đầy cỏ, hoặc ở những đám cây hoang, lá dại mà gặp một trận mưa đông bất ngờ đổ xuống, thì bà chạy đến đón tôi, bắt tôi núp trong chiếc váy len của bà và túm váy lên che đầu che vai cho tôi cẩn thận.

Mỗi lần tôi có chuyện gây gổ với bạn bè thì bà dỗ tôi, bảo tôi kể cho bà nghe những nỗi bực bội chất chứa trong lòng và hầu như lúc nào bà cũng tìm được những lời thích hợp để an ủi tôi, hoặc tỏ ra đồng tình với tôi.

Qua những việc ấy, và bao nhiêu việc khác nữa, từ giọng nói, cách nhìn, cái vuốt ve cho đến những lời trách mắng ôn tồn, tôi yên trí bà là mẹ tôi.

Tôi được biết bà không phải là mẹ đẻ, mà chỉ là mẹ nuôi, như thế này đây:

Làng tôi gọi là làng Chavanon. Nói cho đúng thì đó là cái làng ở đấy tôi lớn lên, tôi sống thời thơ ấu, chứ tôi làm gì có quê hương, có nơi chôn rau cắt rốn, cũng như tôi đã không có cha có mẹ gì cả. Làng Chavanon là một trong những làng nghèo nàn nhất ở miền Trung nước Pháp.

Không phải nghèo vì dân làng trây lười, mà chính vì nó ở vào một vùng đất đai cằn cỗi. Đất mặt rất mỏng, muốn mùa màng tốt phải có phân, vôi mà

những thứ này trong vùng quá hiếm. Vì thế người ta thấy ít những cánh đồng trồng trọt mà nhan nhản những đám cỏ hôi cây dại. Hết những đám ấy thì là địa hạt của những langde⁽¹⁾. Trên các langde cao ấy, gió lạnh thổi rất làm tấp những lùm cây thưa thớt cành nhánh vụn vẹo quay cuồng.

Muốn thấy cây cối xanh tốt thì phải rời bỏ cao nguyên, xuống các thung lũng cạnh sông, ở đấy có những cây dễ cao to và những cây sỏi vạm vỡ.

Cái nhà tôi sống những năm đầu của tuổi thơ ấu dựng trong một thung lũng như thế, trên bờ con suối nước chảy xiết đổ vào một phụ lưu của sông Loire.

Cho đến năm lên tám, tôi chưa thấy đàn ông trong nhà, tuy má tôi không phải là goá bụa. Chồng bà vốn là thợ đá đi làm ăn ở Paris như phần đông những người thợ khác trong vùng. Từ ngày tôi bắt đầu hiểu biết sự việc chung quanh mình thì tôi chưa thấy ông ta về làng lần nào. Thỉnh thoảng có bạn bè về quê, ông ta mới nhắn tin về:

“Này, bác Barberin, bác giai vẫn được mạnh khỏe đấy! Bác ấy nhờ tôi tin cho bác biết là công việc làm ăn khá lắm và bác ấy gửi cho bác số tiền này đây. Bác đếm đi chứ!”

Chỉ có thế thôi. Chừng ấy tin tức, má Barberin cũng cho là đủ rồi: ông chồng mạnh khỏe; ông làm ra tiền, kiếm ăn được, còn gì nữa! Đừng tưởng ông Barberin ở Paris lâu thế là vì có điều bất hoà với vợ. Không hề có chuyện như thế. Ông ta ở lại Paris là do công việc làm ăn bắt buộc, thế thôi. Lúc già, ông sẽ trở về ở với vợ. Với số tiền dành dụm được, đến ngày tuổi già sức yếu, vợ chồng không lo lâm vào cảnh cơ hàn.

Một chiều tháng mười một, có một người lạ mặt dừng lại trước cổng vườn nhà. Tôi đang bê củi chà ở bụi cửa. Người ấy không mở cổng mà chỉ ghénh đầu nhòm vào, nhìn tôi mà hỏi có phải nhà bà Barberin ở đây không.

Tôi mời ông ta vào. Ông ta đẩy cửa, làm cho sợi dây buộc kêu cọt két, rồi bước chậm rãi qua sân.

Tôi chưa bao giờ thấy ai lấm bùn bê bết như ông này. Những mảng bùn, mảng còn ướt, mảng đã khô, trát khắp người ông từ đầu đến chân. Chỉ nhìn cũng đủ biết ông ta đã đi rất lâu trên những con đường lầy lội. Nghe tiếng chúng tôi, má Barberin chạy ra. Khi khách bước qua bậc cửa thì má cũng vừa tới, hai người gặp nhau. Khách nói:

(1) Langde: Vùng đồng lầy, hoang vu miền Tây Nam nước Pháp - N.D.

- Tôi đem tin từ Paris về đây!

Đó là những lời giản dị tai chúng tôi nghe đã quen. Nhưng mà giọng nói lần này không giống như mọi bận, không giống như những khi người khách nói: “Bác giai bình yên. Công việc làm ăn tốt”. Má Barberin chập hai tay vào nhau, kêu:

- Ôi trời ơi! Chắc có tai hoạ gì xảy đến cho ông Jérôme nhà tôi rồi!

- Vàng, quả có thể. Nhưng bà cũng không nên quá hoảng hốt! Ông nhà bị thương, đúng đấy, nhưng ông ấy không chết. Có điều chắc sẽ bị què. Hiện giờ ông ấy còn nằm ở bệnh viện. Tôi nằm giường bên cạnh, nên nhân tiện tôi về quê, ông ấy nhờ tôi tạt qua đưa tin cho bà biết. Tôi không dừng lại đây lâu vì còn phải đi ba dặm đường nữa mà trời sắp tối rồi.

Má Barberin muốn biết tường tận hơn, nên mời khách ở lại ăn cơm tối. Má nói đường xấu lắm và người ta đồn ở trong rừng có chó sói, chi bằng để sáng mai hãy đi.

Khách ngồi vào bên cạnh bếp lò, vừa ăn vừa kể cho chúng tôi nghe tai nạn xảy ra như thế nào: ông Barberin bị một giàn giáo đổ xuống đè suýt bẹp người. Người chủ thầu viện lẽ ông ta không có nhiệm vụ gì phải đứng ở chỗ ấy, nên không trả cho ông một khoản bồi thường nào cả. Ông khách nói:

- Thật không may cho ông Barberin, tội nghiệp ông ấy! Thật không may! Có những tên láu cá, nhân cơ hội tương tự đã vớ được một khoản thực lợi đồng niên⁽¹⁾. Còn ông nhà thì chẳng được gì sất!

Ông khách vừa hơ đôi ống quần cứng cộp bùn khô, vừa luôn mồm nhắc đi nhắc lại mấy tiếng “thật không may” với một vẻ thương cảm chân thành. Sự xuýt xoa của ông chứng tỏ ông sẵn lòng chịu tàn tật để vớ được một món thực lợi. Ông kết thúc câu chuyện:

- Tuy thế, tôi cũng khuyên ông nhà cứ đệ đơn kiện lão chủ thầu.

- Kiện tụng thì tốn kém chết đi!

- Tốn đấy, nhưng được kiện thì cũng bỏ chứ!

- Má Barberin muốn đi Paris, nhưng chuyện đó đâu có phải dễ: đường xá xa xôi tốn kém quá.

Sáng sớm hôm sau má con tôi xuống dưới làng tìm cha xứ để hỏi ý kiến. Cha xứ chưa muốn để cho má đi, trước khi biết chắc đi như thế có giúp

(1) Tiền lợi thu hàng năm do gửi một số vốn ở ngân hàng, hay mua phiếu quốc trái, trong xã hội tư sản. Đây muốn nói đến khoản tiền lãi hàng năm do món tiền bồi thường gửi ngân hàng đem lại - N.D.

ích được gì cho chồng không. Cha viết thư cho ông giáo sĩ ở bệnh viện nơi ông Barberin đang nằm điều trị. Vài ngày sau, có thư trả lời nói rằng má Barberin không cần đi, chỉ cần gửi một số tiền lên Paris để cho chồng kiện người chủ thầu.

Ngày tháng trôi qua. Thỉnh thoảng lại có thư gửi về, thư nào cũng thúc giục gửi thêm tiền lên. Bức thư cuối cùng thúc bách hơn cả, nhấn rằng nếu hết tiền thì bán con bò sữa đi mà gửi.

Những ai đã sống ở nông thôn cùng với bà con nông dân đều hiểu nỗi đau khổ hãi hùng chứa trong mấy tiếng: bán con bò sữa. Đối với nhà sinh vật học, con bò là một con vật thuộc loài nhai lại. Dưới con mắt của nhà du ngoạn, nó là con vật làm cho phong cảnh tăng thêm vẻ đẹp khi trên thảm cỏ xanh nó ngẩng cái mõm đen nhánh đâm hơi sương của nó lên. Với trẻ em thành thị, nó là nguồn cung cấp cà-phê sữa và pho-mát đánh kem. Nhưng đối với người nông dân, nó còn quý báu hơn nhiều. Dù cho nghèo xác nghèo xơ, dù gia đình con cái có đông đến đâu, có một con bò sữa trong chuồng cũng không sợ đói. Chỉ một cái thừng hay một sợi dây quấn trên sừng thôi cũng đủ để cho một em bé chăn dắt nó ăn dọc các con đường phủ đầy cỏ, ở những nơi không thuộc về ai. Và thế là chiều đến, cả nhà có bơ nấu xúp, có sữa để ăn với khoai tây. Bố mẹ con cái, lớn nhỏ đều sống nhờ vào con bò sữa.

Cũng nhờ có con bò sữa mà má con tôi sống đầy đủ đến nỗi hầu như tôi không cần ăn thịt. Không những nó là vú nuôi của chúng tôi, nó còn là bầu bạn, là chỗ thân tình.

Thật vậy, đừng tưởng bò là con vật ngu ngốc. Trái lại, nó rất thông minh, nó có những đức tính mà biết cách rèn luyện thì còn phát triển nhiều. Chúng tôi vỗ về nó, nói chuyện với nó và nó hiểu chúng tôi. Về phần nó, với đôi mắt to, tròn, hiền dịu, nó biết cách làm cho chúng tôi hiểu nó muốn gì, nó cảm thấy thế nào. Nói tóm lại, chúng tôi rất yêu thương nó và nó cũng yêu thương chúng tôi.

Ấy thế mà phải lia bỏ nó đấy! Vì rằng chỉ có cách “bán con bò sữa đi” thì mới làm cho ông Barberin thoả dạ.

Một bác lái tới nhà chúng tôi. Bác ta xem xét con Roussette rất kĩ, sờ nắn nó mãi, vừa sờ vừa lắc đầu ra vẻ không ưng ý. Bác ta nhắc đi nhắc lại hàng trăm lần rằng con bò không vừa ý bác ta chút nào. Bác chè là bò nhà nghèo,

khó bán lại lắm. Không có sữa, bơ lại kém chất. Chè nhún chán, rút cục bác cũng đồng ý mua, nhưng bảo mua là vì lòng tốt, muốn giúp má Barberin thôi, và cũng vì thấy má là người trung hậu.

Tội nghiệp cho con Roussette. Hình như nó hiểu cả nên nó nhất định không chịu ra khỏi chuồng và kêu rống lên. Bác lái đưa chiếc roi da quấn ở cổ bác cho tôi và bảo:

- Này chú bé, luôn ra phía sau mà đuổi nó ra.

- Ấy chớ, cái đó không được.

Má Barberin nói thế rồi cầm lấy chiếc dây dắt và dịu dàng dỗ nó: “Nào cô gái, đi đây, đi đây nào!”. Thế là con Roussette nghe theo không cưỡng lại nữa. Ra tới đường, bác lái cột nó vào sau xe. Nó đành phải bước lú lú theo con ngựa. Chúng tôi trở vào nhà rồi, nhưng mãi một lúc lâu vẫn còn nghe thấy tiếng nó rống.

Thế là chẳng còn sữa, chẳng còn bơ nữa. Buổi sáng một mẩu bánh mì suông, buổi chiều khoai tây chấm muối.

Bán con Roussette được ít hôm thì tới ngày thứ ba ngả mận sau tuần chay⁽¹⁾. Năm trước, nhân dịp này má Barberin đã thết tôi một bữa bánh kẹp và bánh rán ra trò. Tôi ăn nhiều, rất nhiều, khiến má hết sức vui thích. Nhưng mà hồi đó còn con Roussette nên còn sữa để nhào bột và có bơ để rán. Bây giờ không còn con Roussette thì cũng chẳng có sữa, chẳng có bơ, chẳng có ngày thứ ba ngả mận nữa rồi! Tôi buồn rầu nghĩ bụng thế. Nhưng má Barberin đã dành cho tôi một sự bất ngờ. Xưa nay má vốn không quen vay mượn, nhưng lần này má cũng cố vay của bà hàng xóm này một chén sữa, của bà kia một miếng bơ. Vì thế, đến trưa tôi về nhà thì thấy má đang trút bột vào một nồi đất lớn.

- Ô này, bột mì!

Tôi vừa nói thế, vừa lại gần má. Má mỉm cười trả lời:

- Phải rồi, đúng là bột mì đấy, Rémi ạ! Bột mì trắng hảo hạng. Này con xem, mùi thơm phức!

Tôi không có gan hỏi má lấy bột ra làm gì. Chính vì tôi nóng lòng muốn biết quá nên tôi lại càng không dám hỏi. Và lại tôi định giả vờ như không biết hôm nay là ngày thứ ba ngả mận để khỏi tủi lòng má. Má nhìn tôi, hỏi:

(1) Theo đạo Gia tô, trước ngày lễ phục sinh, khoảng đầu tháng 4 dương lịch, tín đồ phải ăn chay thanh đạm, không có chất béo, tương tự như Phật giáo ăn chay – N.D.

- Người ta dùng bột mì làm gì nào?

- Làm bánh mì.

- Còn làm gì nữa?

- Khuấy cháo.

- Rồi còn làm gì nữa?

- Chà! Con không biết.

- Có, con biết đấy. Nhưng con là một đứa trẻ ngoan, nên con không nói ra đây thôi. Con biết hôm nay là ngày thứ ba ăn mận, tức là ngày bánh kẹp, bánh rán. Nhưng con thấy nhà không có sữa, có bơ nên con không nhớ nhắc đến, có phải không con?

- Ôi, má ơi!

- Má đã đoán trước nên má đã xoay sở để cho ngày thứ ba ăn mận của con không đến nỗi xám ngắt. Này con nhìn vào trong cái thùng gỗ kia mà xem.

Tôi nhanh nhẩu mở nắp thùng lên thì quả thấy nào bơ, nào sữa, nào trứng, có cả ba quả táo nữa. Má nói:

- Đưa trứng đây cho má. Trong lúc má đập trứng, con gọt táo đi.

Tôi cắt táo ra từng khoanh. Má đập trứng vào bột và đánh lên, thỉnh thoảng lại đổ vào một thìa sữa. Khi bột đã khuấy đều, má Barberin vẩy cái nồi lên trên tro nóng. Thế là chỉ còn đợi đến chiều thôi, vì đến bữa tối chúng tôi mới ăn bánh kẹp và bánh rán.

Thú thật, cái ngày hôm đó, tôi thấy nó dài làm sao và đã đòi ba lần tôi chạy đến nhắc chiếc khăn phủ trên nôi bột để dòm thử. Má bảo:

- Con làm thế lạnh bột mất, rồi nó không dậy men tốt đâu!

Nhưng bột dậy rất tốt. Trên mặt bột, có những bong bóng phồng lên, vỡ lỗ chỗ. Từ cái nôi bột lên men ấy toả ra một mùi trứng và sữa ngon lành. Má bảo:

- Con bê cho má một mớ củi vụn. Phải đốt lửa cho đượm, đừng có khói.

Rồi má thắp nến lên:

- Con cho thêm củi vào lò đi.

Tôi làm ngay không đợi nói hai lần, và ngay sau đó, một ngọn lửa cao bốc cháy trong lò, ánh sáng chập chờn toả ra khắp bếp. Má Barberin lấy cái chảo treo ở tường đặt lên lò.

- Đưa bơ đây cho má!

Má lấy mũi dao xén một cục bơ bằng quả hồ đào cho vào chảo. Bơ chảy ra, reo xèo xèo. Ôi! Cái mùi thơm làm nhỏ dãi, cái mùi thơm vì đã vắng lâu ngày nên càng kích thích miệng lưỡi ta! Ôi! Khúc nhạc vui vẻ của chảo bơ liu liu tí tách trên lò!

Tôi chăm chú theo dõi bản nhạc ấy, nhưng vẫn nghe như ở ngoài sân có tiếng chân người. Ai đến ám chúng tôi vào giờ này nhỉ? Hẳn lại một bà hàng xóm sang xin lửa đây.

Tôi không thêm chú ý, vì má Barberin vừa vục môi vào trong nồi đất, múc đổ vào lòng chảo một mẻ bột trắng tinh. Quá không phải lúc nghĩ về vấn đề chuyện khác!

Nhưng chính vào lúc bấy giờ thì có tiếng gậy lạch cạch trên bực cửa, rồi cánh cửa thình lình mở toang. Không ngoảnh cổ ra, má Barberin hỏi:

- Ai đấy?

Một người đàn ông bước vào. Dưới ánh lửa chiếu tấp vào người ông ta, tôi thấy ông ta mặc áo bờ-lu trắng, tay cầm cái gậy lớn. Ông nói, giọng cục cằn:

- Ở đây người ta tiệc tùng đấy à? Xin cứ tự nhiên.

Má Barberin vội vàng đặt chảo xuống đất kêu lên:

- Chao, trời ơi! Ông Jérôme đấy ư?

Rồi má cầm tay tôi, đẩy tôi ra trước mặt người đó. Ông ta vẫn đứng ở bực cửa. Má nói:

- Ba con đấy!

2. Người bố nuôi



ôi tiến lại gần ông ta, định ôm ông, nhưng ông ta lấy đầu gậy cản tôi lại:

- Cái thằng này là thằng nào?

- Thằng Rémi đấy!

- Má nó có nói với tôi là ...

- Ờ... vâng! Nhưng mà... không phải, bởi vì rằng ...

- À, không phải, không phải! ...

Ông ta giơ cao chiếc gậy, đi lại chỗ tôi. Tự nhiên tôi lùi lại.

Nào tôi đã làm gì sai trái? Tôi có tội tình gì? Tại sao lại đối xử với tôi như thế khi tôi chạy đến định ôm hôn ông? Tôi chưa kịp suy nghĩ về những câu hỏi như vậy đang đồn dập trong đầu óc rối beng của tôi thì đã nghe ông ta nói:

- Các người đang chuẩn bị ăn mặn ngày thứ ba đây. Thật là đúng lúc vì tớ đang đói ngấu. Ăn tối có gì?

- Tôi đang làm bánh kẹp.

- Tôi biết. Nhưng mà má nó định cho một người mang mười dặm đường trên đôi chân ăn bánh kẹp à?

- Nhà chẳng có gì cả: tôi có biết ông về đâu?

- Sao, không còn gì à? Không có gì ăn tối à?

Ông ta đưa mắt nhìn quanh nhà:

- Có bơ đây này.

Ông quay lại đưa mắt lên trần nhà nhìn vào chỗ xưa kia vẫn treo mỡ lợn. Nhưng đã từ lâu các móc treo trống trơn không có gì cả, chỉ có mấy túm hành và tỏi lủng lẳng ở xà nhà. Ông ta lấy gậy chọc cho một túm hành rơi xuống và nói:

- Hành đây! Bốn năm củ hành, một miếng bơ, thế là có một nồi xúp ngon. Má nó hãy bỏ bánh kẹp ra và cho hành vào chảo phi đi.

Bỏ bánh kẹp ở chảo ra! Má Barberin không cãi lại. Chẳng những thế, bà còn vội vã làm theo lời chồng trong lúc ông ta đến ngồi trên chiếc ghế dài ở cạnh lò sưởi.

Tôi không dám rời khỏi chỗ mà cái gậy của ông ta đã đẩy tôi lùi đến. Tôi đứng tựa vào chiếc bàn, để ý ngắm con người ông. Ông ta tuổi độ năm mươi, vẻ mặt cục mịch, dáng người nghiệt ngã. Thương tích đã làm cho đầu ông lệch về bên phải và cái tật đó càng khiến cho người ta thấy chờn chợn khi nhìn ông. Má tôi lại bắc chảo lên bếp. Ông Barberin nói:

- Thế má nó định nấu xúp với chút xíu bơ thế kia à.

Rồi tự tay ông cầm đĩa bơ trút sạch vào chảo.

Thế là đi đòi bơ, và cố nhiên cũng đi đòi bánh kẹp!

Giá như vào lúc khác thì chắc hẳn cái tai hoạ ấy đã làm cho tôi xúc động lắm. Nhưng khi đó tôi chẳng còn bụng dạ nào mà nghĩ đến bánh kẹp và bánh rán nữa. Tôi chỉ băn khoăn về mỗi một việc: Chính cái con người nghiệt ngã ấy lại là ba tôi.

“Ba tôi! Ba tôi!”. Đó là mấy tiếng mà tự nhiên tôi lặp đi lặp lại như cái máy.

Chưa bao giờ tôi hình dung rõ rệt như thế nào là một người cha. Tôi tưởng tượng lơ mơ rằng người cha chẳng qua cũng chỉ là một người mẹ có giọng nói ồ ồ thôi.

Đến nay, khi nhìn thấy người cha ở đâu trên trời rơi xuống cho tôi đó, tôi cảm thấy đau đớn hãi hùng. Vừa rồi tôi muốn ôm hôn cha tôi, nhưng cha tôi đã lấy đầu gậy đẩy tôi ra. Tại sao vậy? Khi tôi hôn má Barberin thì chẳng bao giờ má đẩy tôi ra cả, trái lại má còn bế xốc tôi lên, ôm chặt tôi vào lòng.

Ông ta bảo tôi:

- Đừng có sùng sùng như trời trồng ấy, mau mà dọn bát đĩa ra bàn đi chứ!

Tôi vội vàng tuân lệnh. Xúp đã chín, má Barberin múc ra đĩa. Thế là từ bên lò sưởi, ông ta đứng dậy đi lại bàn, ngồi xuống và bắt đầu ăn. Thỉnh thoảng ông chỉ ngừng lại để nhìn tôi. Tôi không tài nào nuốt được, vì bối rối, lo ngại. Tôi cũng nhìn ông ta nhưng chỉ dám nhìn trộm. Khi gặp đôi mắt ông ta thì tôi lại cúi mặt xuống. Đột nhiên ông cầm thìa chỉ vào tôi:

- Thường ngày thẳng này nó ăn có khỏe hơn bữa nay không?

- Ô, nó ăn được lắm chứ!

- Mặc xác nó! Ít ăn ít uống thì còn được!

Tất nhiên là tôi chẳng muốn nói gì và cả má Barberin cũng không muốn bắt chuyện. Má đi đi lại lại quanh bàn, chăm chú phục dịch ông chồng. Ông lại hỏi tôi:

- Mà không đói à?

- Không.

- Thế thì đi ngủ đi, và cố ngủ ngay nhé, không thì tao nổi giận lên đấy!

Má Barberin đưa mắt nhìn tôi, ý muốn bảo tôi vâng lời đi, đừng có cãi lại. Nhưng lời dặn dò đó cũng thừa vì tôi không hề có ý chống đối.

Như phần lớn nhà nông dân, nhà bếp của chúng tôi cũng dùng làm buồng ngủ. Cái bàn, cái thùng gỗ, cái tủ đựng bát đĩa, nói chung những đồ đạc được dùng cho việc dọn ăn đều kê cạnh lò sưởi. Ở phía bên kia là giường ngủ. Giường của tôi xung quanh có chằng diềm vải đỏ.

Tôi vội vàng cởi áo lên nằm. Nhưng không sao ngủ được.

Người ta không ngủ theo mệnh lệnh. Người ta chỉ ngủ khi buồn ngủ và khi trong lòng yên tĩnh. Vậy mà tôi lại không buồn ngủ và trong lòng cũng không yên tĩnh. Trái lại tôi rất băn khoăn, hơn nữa còn đau khổ.

Cái người ấy mà là cha mình ư? Là cha thì tại sao ông ta đối xử với mình tàn nhẫn thế?

Úp mặt vào tường, tôi cố gắng xua đuổi những ý nghĩ ấy và mong ngủ thiếp đi theo lệnh của ông ta. Nhưng không tài nào nhắm mắt được. Giấc ngủ không đến và chưa bao giờ tôi lại thấy tỉnh táo như lần này.

Một lúc sau, không biết chừng bao nhiêu lâu, tôi nghe thấy có người lại gần giường tôi. Nghe bước đi chậm chạp, nặng nề, kéo lê chân, tôi biết ngay không phải là má Barberin. Một hơi thở nóng hổi bay qua trên tóc tôi. Có tiếng thăm thì hỏi:

- Mà ngủ chưa?

Tôi nhất định không trả lời vì mấy tiếng “tao nổi giận lên” vẫn còn vang vọng bên tai tôi.

- Nó ngủ rồi đấy! - Má Barberin nói. - Hễ nằm xuống là ngủ ngay, nó quen thế rồi. Ông cứ nói, không sợ nó nghe thấy đâu.